TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2023/DS-PT
Ngày:10/01/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy
Các Thẩm phán: Bà Mai Thi Thanh Tú
Bà Lê Ngọc Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 494/2022/ DS-PT ngày 23/11/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3015/2022/DS-ST ngày 11/08/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố T, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6329/2022/QĐXXPT-DS ngày 15/12/2022, giữa các bên đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Miên Đ, sinh năm 1981
Địa chỉ thường trú: phường B, thành phố D, tỉnh B.
Người đại diện theo ủy quyền Ông Mạc Minh Q, sinh năm 1979;
Địa chỉ: phường T, Quận X, Thành phố H
– (Theo Hợp đồng ủy quyền số: 001583; quyển số: 03 TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 08/03/2021). (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Thu D, sinh năm: 1981
Địa chỉ: phường Long Bình, Thành phố T, Thành phố H.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1979;
Địa chỉ: phường Long Bình, Thành phố T, Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền số: 008640; quyển số: 01/2021. TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 31/05/2021). (có mặt)

3. Những người tham gia tố tụng khác:
Người giám định: Ông Nguyễn Tuấn H và ông Võ Anh Đ – là Giám định viên Phân viện KTHS tại Thành phố H- Viện khoa học hình sự.

Ông Mạc Minh Q, ông Nguyễn Hoàng H, ông Nguyễn Tấn Hưng và ông Võ Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn có ông Mạc Minh Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/12/2019, bà Đặng Thị Thu D có vay của bà Nguyễn Thị Miên Đ số tiền: 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, với lãi suất 0% và thời hạn trả vào ngày 25/6/2020, bà D đã trả cho bà Đ số tiền: 205.000.000 (hai trăm lẻ năm triệu) đồng, số tiền còn nợ chưa thanh toán là 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng. Khi vay tiền bà D có giao cho bà Đ các giấy tờ: Bản chính các Giấy chứng minh nhân dân của bà Đặng Thị Thu S và bà Đặng Thị Thu D (đã cắt góc), bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy tên Nguyễn Hoàng H để làm tin.

Nay bà Đ yêu cầu bà D phải trả lại số tiền còn nợ là 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng. Bà Đ chỉ yêu cầu bà D thanh toán, không liên quan đến chồng bà D là ông Hải và trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hiện nay, nguyên đơn đang giữ các bản chính Giấy chứng minh nhân dân số 024581251 của bà Đặng Thị Thu D do Công an Thành phố H cấp ngày 31/01/2012 (đã bị cắt góc), Giấy chứng minh nhân dân số 272884943 của bà Đặng Thị Thu S do Công an Đồng Nai cấp ngày 01/03/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 048478 của ông Nguyễn Hoàng H do Công An Quận Y (nay là Thành phố T) cấp ngày 01/02/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có ông Nguyễn Hoàng H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Đặng Thị Thu D không có vay mượn và không ký bất kỳ giấy tờ gì với bà Nguyễn Thị Miên Đ nên không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đồng ý các Kết luận giám định số: 3251/C09B ngày 01/07/2021, Kết luận giám đính số 3251/1- C09B ngày 08/07/2021 và Kết luận giám định số: 2590/KL-KTHS ngày 12/05/2022 của Phân viện KTHS tại Thành phố H - Viện khoa học hình sự ; vì bị đơn cho rằng dấu vân tay không phải là lăn trực tiếp, nếu lăn tay trực tiếp thì mực phải thấm sang trang bên; chữ ký và chữ viết của bà D dưới mục người mượn tiền tại "Giấy mượn tiền ngày 25/12/2019" thì chữ nào, nét nào giống với chữ nào nét nào tại mẫu so sánh mà bà D đã viết. Bị đơn không yêu cầu giám định lại.

Người giám định ông Nguyễn Tuấn H và ông Võ Anh Đ là giám định viên trình bày:

Trên cơ sở Quyết định trưng cầu giám định số 3471/2021/QĐ-TCGĐ ngày 14/06/2021 và Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 1217/2022/QĐ-TCGĐ ngày 16/03/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố T, Thành phố H yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, chữ viết nội dung, mực dấu vân tay và dấu vân tay đối với tài liệu cần giám định là "Giấy mượn tiền ngày 25/12/2019" và tài liệu liên quan

quan là "Bản tự khai ngày 28/4/2021 và Biên bản lấy mẫu chữ ký, chữ viết và dấu vân tay ngày 31/5/2021". Căn cứ vào các phương pháp thực hiện giám định bao gồm: Nghiên cứu, phân tích, so sánh, đánh giá, tổng hợp các đặc điểm dấu vân tay; chữ viết nội dung cần giám định và mẫu so sánh…., các Giám định viên đã thực hiện việc giám định và đưa ra Kết luận giám định số: 3251/C09B ngày 01/07/2021, Kết luận giám đính số 3251/1- C09B ngày 08/07/2021 và Kết luận giám định số: 2590/KL-KTHS ngày 12/05/2022 theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 3015/2022/DS-ST ngày 11/08/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố T, Thành phố H tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Miên Đ:

1/ Buộc bà Đặng Thị Thu D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Miên Đ số tiền: 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng. Thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Bà Nguyễn Thị Miên Đ có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng minh nhân dân số 024581251 của bà Đặng Thị Thu D do Công an Thành phố H cấp ngày 31/01/2012 (đã bị cắt góc), Giấy chứng minh nhân dân số 272884943 của bà Đặng Thị Thu S do Công an Đồng Nai cấp ngày 01/03/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 048478 của ông Nguyễn Hoàng H do Công An Quận Y (nay là Thành phố T) cấp ngày 01/02/2018 cho bà Đặng Thị Thu D.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 19/08/2022, bà Đặng Thị Thu D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị Thu D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Thu D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của của bị đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Thu D, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ; cấp sơ thẩm không xem xét chứng cứ do bị đơn đưa ra; xác định số tiền vay, số tiền đã trả ai là người viết giấy nợ; đối với các giấy tờ như Giấy chứng minh nhân dân, Giấy đăng ký xe Honda số 048478 mang tên ông Nguyễn Hoàng H; ông Hải không yêu cầu gì đối với các giấy tờ trên vì cho rằng các giấy tờ trên gia đình ông bị thất lạc tuy nhiên đã được làm thủ tục cấp mới lại các giấy tờ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa,

Chủ tọa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà D về việc không thiếu nợ bà Đ là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà D về phần này. Riêng đối với các Giấy tờ mà bà Đ đang giữ và cho rằng để cầm cố để đảm bảo cho việc vay nợ tuy nhiên không có chứng cứ gì thể hiện điều này, ngoài Giấy chứng minh nhân dân của bà Đặng Thị Thu D có ghi trong giấy nợ còn các Giấy tờ khác không liên quan gì. Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt vợ chồng bà D đều không yêu cầu hoàn trả các giấy tờ trên do đã hết giá trị sử dụng và đã làm lại Giấy căn cước công dân và giấy đăng ký xe mới nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa án phần này để đảm bảo cho việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị Thu D trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ "Giấy mượn tiền lập ngày 25/12/2019" thì thấy được bà D có vay mượn của bà Đ số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay từ 25/12/2019 đến ngày 25/6/2020 không tính lãi; Bà D cho rằng bà không có vay mượn và không ký bất kỳ giấy tờ vay mượn gì với bà Đ nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà Đ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên Giấy mượn tiền lập ngày 25/12/2019 theo yêu cầu của bà D.

Tại Kết luận giám định số 3251/C09B ngày 01/07/2021 của của Phân viện Kỹ thuật hình sự tại Thành phố H - Viện khoa học hình sự kết luận: "Chữ ký, chữ viết họ tên "Đặng Thị Thu D" dưới mục "Người mượn tiền" trên tài liệu cần giám định A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đặng Thị Thu D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra" và Kết luận giám định số 3251/1-C09B ngày 08/07/2021 của Phân viện Kỹ thuật hình sự tại Thành phố H - Viện khoa học hình sự, kết luận: "02 dấu vân tau dưới mục "Người mượn tiền" trên "Giấy mượn tiền" ngày 25/12/2019 với dấu vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải của bà Đặng Thị Thu D trên "Biên bản lấy mẫu chữ ký, chữ viết và dấu vân tay" ngày 31/5/2021 là dấu vân tay của cùng một người". Như vậy, các kết luận giám định như đã nêu đều xác định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay dưới mục người mượn tiền tại Giấy mượn tiền ngày 25/12/2019 đều là của bà D.

Do đó, có cơ sở xác định ngày 25/12/2019 bà D có mượn của bà Đ số tiền 300.000.000 đồng là có thật. Đến nay thời hạn theo Giấy mượn nợ đã hết nhưng phía bà D không trả số tiền còn thiếu cho bà Đ nên bà Đ có đơn khởi kiện yêu cầu

bà D trả số tiền còn thiếu là có căn cứ.

Theo nguyên đơn xác nhận cho đến nay bà D đã trả cho bà Đ được 205.000.000 đồng số tiền còn lại 95.000.000 đồng bà D chưa Thanh toán. Nay bà Đ yêu cầu bà D trả cho bà Đ số tiền đã mượn còn thiếu là 95.000.000 đồng là phù hợp.

Việc bị đơn cho rằng không viết giấy nợ gì cũng như không vay mượn tiền gì của bà Đ cũng như không đồng ý với kết quả giám định nhưng không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình, không khiếu nại kết quả giám định và cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì khác tại cấp phúc thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

Đối với các giấy tờ nguyên đơn xác định đang giữ bản chính như: Giấy chứng minh nhân dân số 024581251 của bà Đặng Thị Thu D do Công an Thành phố H cấp ngày 31/01/2012 (đã bị cắt góc), Giấy chứng minh nhân dân số 272884943 của bà Đặng Thị Thu S do Công an Đồng Nai cấp ngày 01/03/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 048478 của ông Nguyễn Hoàng H do Công An Quận 9 (nay là Thành phố T) cấp ngày 01/02/2018. Nguyên đơn cho rằng các giấy tờ trên bà D dùng để thế chấp vay tiền. Tại phiên tòa, bà D và ông Hải cho rằng không giao các giấy tờ trên để đảm bảo vay nợ mà các giấy tờ trên bị mất và đã làm thủ tục cấp mới toàn bộ (có xuất trình Căn cước công dân mới của bà D, Giấy chứng nhận đăng ký xe của ông Hải) và không yêu cầu được nhận lại các giấy tờ mà bà Đ đang giữ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các giấy tờ trên hiện bà Đ đang giữ cho rằng để đảm bảo số nợ mà bà D vay, tuy nhiên không có gì chứng minh ngoài Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà Đặng Thị Thu D có ghi trong giấy nợ. Hiện Giấy chứng minh nhân dân này đã cắt góc không còn giá trị và bà D đã được cấp Căn cước công dân mới; ông Hải cũng không yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe số 048478 do đã được cấp lại; ngoài ra còn có 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà Đặng Thị Thu S không thể hiện liên quan đến hợp đồng vay nên không cần xem xét giải quyết trong vụ án này. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Đ có nghĩa vụ giao lại bản chính các giấy tờ nêu trên cho bị đơn là không phù hợp và không cần thiết phải tuyên giao trả các giấy tờ trên trong phần quyết định của bản án. Nếu các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Do vậy, cần sửa án sơ thẩm đối với phần quyết định này.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H về nội dung vụ kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà Đặng Thị Thu D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Miên Đ:

Buộc bà Đặng Thị Thu D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Miên Đ số tiền: 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng. Thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo quy định thì hành tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thu D phải chịu 4.750.000 (bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Miên Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.375.000 (hai triệu bà trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0028584 do Chi cục thi hành án dân sự Thành phố T lập ngày 02/04/2021.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Đặng Thị Thu D số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0028327 ngày 06/092022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố T, Thành phố H.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Thành phố T;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thu Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Mai Thị Thanh Tú	**Lê Ngọc Nga**	**Lê Thu Thủy**